

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN PÁC NẶM
TỈNH BẮC KẠN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 06/2024/HS - ST

Ngày 03/4/2024

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PÁC NẶM, TỈNH BẮC KẠN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hà Thanh Tuấn

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Chu Thị Thi và ông Triệu Văn Long

- Thư ký phiên tòa: Bà Ma Thị Anh Trâm - Thư ký viên Tòa án nhân dân huyện Pác Nặm, tỉnh Bắc Kạn.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Pác Nặm, tỉnh Bắc Kạn tham gia phiên tòa: Ông Vi Văn Luận và bà Hứa Thị Hồng T - Kiểm sát viên.

Trong ngày 03 tháng 4 năm 2024, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh Bắc Kạn xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 06/2024/TLST-HS, ngày 20 tháng 02 năm 2024, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 06/2024/QĐXXST-HS ngày 20 tháng 3 năm 2024 đối với các bị cáo:

1. Nguyễn Chính Đ - Tên gọi khác: Không

Sinh ngày 27 tháng 02 năm 1996 tại huyện B, tỉnh Bắc Kạn.

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn N, xã T, huyện B, tỉnh Bắc Kạn.

Nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 12/12; Chức vụ trước khi phạm tội (Đảng, chính quyền, đoàn thể): không; dân tộc: Tày; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch Việt Nam; con ông Nguyễn Chính P và bà Nông Thị A; V là Trương Thị M; Con. Có 01 con sinh năm 2020.

Tiền án: 02.

Ngày 21/12/2016, Toà án nhân dân huyện Pác Nặm xử phạt 18 tháng tù cho hưởng án treo tại Bản án số 17 về tội “*Cố ý gây thương tích*”, theo khoản 2 Điều 104 Bộ luật Hình sự, bị cáo đã chấp hành xong thời gian thử thách nhưng chưa bồi thường trách nhiệm dân sự.

Ngày 18/8/2021 Tòa án nhân dân huyện Ba Bể, tỉnh Bắc Kạn xử phạt 18 tháng tù tại Bản án hình sự sơ thẩm số 34 về tội “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*”, theo điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự, đến ngày 09/02/2023 bị cáo mới chấp hành xong hình phạt tù nhưng chưa được xóa án tích.

Tiền sự: Không

Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 25/11/2023 tại Nhà tạm giữ Công an huyện P cho đến nay. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

2. Hà Văn H - Tên gọi khác: Không

Sinh ngày 09 tháng 5 năm 1991 tại huyện B, tỉnh Bắc Kạn.

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn N, xã K, huyện B, tỉnh Bắc Kạn.

Nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 8/12; Chức vụ trước khi phạm tội (Đảng, chính quyền, đoàn thể): không; dân tộc: Tày; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch Việt Nam; con ông Hà Văn H1 và bà Vi Thị T1; Vợ là Triệu Mùi P1 (đã ly hôn), con: Có 02 con, con lớn sinh năm 2017, con nhỏ sinh năm 2019.

Tiền án: 01, ngày 24/11/2021 Tòa án nhân dân huyện Ba Bể, tỉnh Bắc Kạn xử phạt 14 tháng tù tại Bản án số 45 về tội “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*” theo điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự, đến ngày 03/12/2022, bị can mới chấp hành xong hình phạt tù, chưa được xóa án tích. Bị can bị bắt tạm giam từ ngày 25/11/2023 tại Nhà tạm giữ Công an huyện P

Tiền sự: 01, ngày 22/02/2023 Công an xã K, huyện B xử phạt cảnh cáo về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy

Nhân thân: Ngày 26/5/2016 bị Tòa án nhân dân huyện Ba Bể, tỉnh Bắc Kạn xử phạt 06 (Sáu) tháng tù tại bản án số 28/2016/HSST.

Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 25/11/2023 tại Nhà tạm giữ Công an huyện P cho đến nay. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

*** Bị hại:**

Tổng công ty Đ1

Địa chỉ: số A cửa bắc S T, phường L, H, Hà Nội

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Đức T2 - Tổng Giám đốc

Người được ủy quyền: Ông Dương Quang S - Giám đốc Công ty Đ2.

Người được ủy quyền lại: Ông Lê Văn T3 - Phó giám đốc Điện lực P3.
Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt.

*** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

Bà Nguyễn Thị y, sinh năm 1976

Địa chỉ: Tiểu khu B, thị trấn C, huyện B, tỉnh Bắc Kạn. Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt

Ông Dương Xuân T4, sinh năm 1962

Địa chỉ: Thôn B, xã K, huyện B, tỉnh Bắc Kạn. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 18/10/2023, Hà Văn H mang theo kìm, dao dọc giấy và một chiếc ba lô rồi điều khiển xe mô tô biển số 97F2-0385 của ông Dương Xuân T4, sinh năm 1962, trú tại thôn B, xã K, huyện B, tỉnh Bắc Kạn đến thị trấn C, huyện B để uống thuốc methadone. Khoảng 08 giờ cùng ngày, H đến và gặp Nguyễn Chính Đ tại T, thị trấn C, huyện B. Tại đây, H rủ Đ đi trộm cáp dây điện tại các trạm biến áp bán lấy tiền tiêu xài thì Đ đồng ý. Sau khi thống nhất cùng đi trộm cáp dây điện, H điều khiển xe mô tô của ông T4 chở Đ đi hướng về huyện P, tỉnh Bắc Kạn. Khi đi đến trạm biến áp P4, thuộc thôn P, xã C, huyện P thì dừng xe ở lề đường, H một mình trèo lên trạm biến áp, dùng kìm của mình mang theo từ trước cắt được năm đoạn dây, loại dây điện trung tính M70, tổng chiều dài 5,5m vứt xuống đất. Đ đang canh giới ở dưới, nhặt dây vào chiếc ba lô của H rồi cùng nhau lần theo đường dây điện đến các trạm biến áp khác để trộm cáp tiếp. Cùng với động tác trên, Đ đứng canh giới, H trèo lên trạm biến áp, dùng kìm cắt trộm dây điện tại năm trạm biến áp khác nhau trên địa bàn huyện P, tỉnh Bắc Kạn, cụ thể:

Tại trạm biến áp N, thuộc thôn N, xã C, H với Đ cắt trộm năm đoạn dây, loại dây điện trung tính M70, tổng chiều dài 4,9 mét;

Tại trạm biến áp C1, thuộc thôn C, xã C, H với Đ cắt được ba đoạn dây, loại dây điện trung tính M50, tổng chiều dài 7,3 mét;

Tại trạm biến áp N1, thuộc thôn N, xã C, H với Đ cắt được ba đoạn dây, loại dây điện trung tính M50, tổng chiều dài 4,5 mét;

Tại trạm biến áp N2, thuộc thôn N, xã C, H với Đ cắt được năm đoạn dây, loại dây điện trung tính M95, tổng chiều dài 6,6 mét.

Tại trạm biến áp Khâu P2, thuộc thôn K, xã B, huyện P, H với Đ đã cắt trộm ba đoạn dây, loại dây điện trung tính M50, tổng chiều dài dây điện là 6,4 mét.

Sau khi cắt trộm dây điện tại thôn K, xã B thì H với Đ điều khiển xe về huyện B, tỉnh Bắc Kạn. Khi đến thôn K, xã N, huyện P thì cả hai mang số dây điện vừa trộm được ra cạnh đường dùng dao dọc giấy bóc hết vỏ, lấy lõi đồng bên trong mang đi bán cùng với số dây điện đã trộm được trước đó tại huyện B

cho bà Nguyễn Thị Y, sinh năm 1976, trú tại T, thị trấn C, huyện B, tỉnh Bắc Kạn được tổng số tiền 2.900.000 đồng, chia nhau tiêu xài hết. Số dây điện H với Đ trộm cắp là của Tổng công ty Đ1 đặt trên địa bàn huyện P, tỉnh Bắc Kạn, đều là loại dây đồng mềm nhiều sợi, bên ngoài được bọc vỏ cao su màu đen, có tổng chiều dài 35,2 mét.

Ngày 24/10/2023, H mang theo ba lô, kim, dao dọc giấy dùng để trộm cắp thì bị Công an huyện B, tỉnh Bắc Kạn kiểm tra phát hiện, tiến hành làm việc thì H đã khai nhận hành vi trộm cắp dây điện của mình trên địa bàn huyện P. Cơ quan Công an huyện B đã chuyển giao Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện P giải quyết theo quy định.

Tại Kết luận định giá tài sản số 12 ngày 16/11/2023 của Hội đồng định giá tài sản thường xuyên Ủy ban nhân dân huyện P kết luận:

Ba đoạn dây loại M50 tại trạm biến áp K, xã B, tổng chiều dài dây điện là 6,4 mét, được lắp đặt năm 2008 trị giá 352.000 đồng;

Ba đoạn dây loại M50 tại trạm điện N1, xã C, tổng chiều dài dây điện là 4,5 mét, được lắp đặt năm 2006 trị giá 247.500 đồng;

Năm đoạn dây loại M95 tại trạm điện N, xã C, tổng chiều dài dây điện là 6,6 mét, được lắp đặt năm 2019, trị giá 627.000 đồng;

Ba đoạn dây loại M50 tại trạm điện C1, xã C, tổng chiều dài dây điện 7,3 mét, được lắp đặt năm 2011, trị giá 401.500 đồng;

Năm đoạn dây loại M70 tại trạm điện N, xã C, tổng chiều dài dây điện là 4,9 mét, được lắp đặt năm 2020, trị giá 416.500 đồng;

Năm đoạn dây loại M70 tại trạm điện P, xã C, tổng chiều dài dây điện là 5,5 mét, được lắp đặt vào năm 2020, trị giá 467.500 đồng.

Tổng 35,2 mét loại dây điện trung tính, bên trong đều chứa loại dây đồng mềm nguyên chất nhiều sợi, bên ngoài được bọc bằng vỏ cao su màu đen tại thời điểm tháng 10/2023, trị giá 2.512.000 đồng.

Tại Kết luận định giá tài sản số 01 ngày 10/01/2024 của Hội đồng định giá tài sản thường xuyên Ủy ban nhân dân huyện P kết luận: 35 đầu cốt nối bằng kim loại có gắn các đầu dây điện bằng các sợi dây đồng mềm có khối lượng 02 kg, tại thời điểm tháng 10 năm 2023 trị giá 14.000 đồng.

Ông Lê Văn T3 - Phó giám đốc Điện Lực huyện P3 người đại diện theo ủy quyền trình báo: Số dây điện bị mất trộm đều là loại dây điện trung tính, lõi đồng nhiều sợi, do thời điểm xây dựng và công suất của các trạm biến áp khác nhau nên dây điện được lắp đặt khác nhau. Ngoài bị mất trộm dây điện thì Điện Lực huyện P không bị thiệt hại gì do dây điện bị mất trộm.

Các bị cáo Hà Văn H, Nguyễn Chính Đ khai nhận: Các bị cáo đều nghiện chất ma túy, ngày 18/10/2023, khi H điều khiển xe mô tô của ông T4 đi uống thuốc methadone, do chiếc kìm, dao và ba lô của H đã để ở xe từ trước, nên H đã mang theo và cùng Đ sử dụng để trộm cáp dây điện. Ngoài trộm cáp dây điện tại sáu trạm điện trên địa bàn huyện P, H với Đ còn được trộm dây điện tại huyện B và huyện C, tỉnh Bắc Kạn.

Kết quả điều tra vụ án còn xác định: Ngày 21/12/2016, Nguyễn Chính Đ bị Toà án nhân dân huyện Pác Nặm xử phạt 18 tháng tù cho hưởng án treo tại Bản án số 17 về tội “*Cố ý gây thương tích*”, Đ đã chấp hành xong thời gian thử thách nhưng chưa bồi thường trách nhiệm dân sự; ngày 18/8/2021, Đ bị Tòa án nhân dân huyện Ba Bể, tỉnh Bắc Kạn xử phạt 18 tháng tù và phải chịu tình tiết tăng nặng tái phạm tại Bản án hình sự số 34 về tội “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*”, đến ngày 09/02/2023, Đ mới chấp hành xong hình phạt tù nhưng chưa được xóa án tích. Ngày 26/5/2016 Hà Văn H bị Toà án nhân dân huyện Ba Bể, tỉnh Bắc Kạn xử phạt 06 tháng tù tại Bản án số 28 về tội “*Trộm cắp tài sản*”, H đã chấp hành xong các quyết định của bản án và xóa án tích; Ngày 24/11/2021 H bị Tòa án nhân dân huyện Ba Bể, tỉnh Bắc Kạn xử phạt 14 tháng tù tại Bản án số 45 về tội “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*”, ngày 03/12/2022 H mới chấp hành xong hình phạt tù nhưng chưa được xóa án tích.

Quá trình điều tra vụ án các bị cáo đều thành khẩn khai báo hành vi phạm tội của bản thân, lời khai của các bị cáo phù hợp với nhau, phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác đã được thu thập có trong hồ sơ vụ án. Sau khi thực hiện hành vi phạm tội, bị cáo Hà Văn H đã tự khai ra hành vi trộm cắp tài sản của bản thân và bị cáo Đ vào ngày 18/10/2023 và có ông nội là ông Hà Văn C được tặng Huân chương kháng chiến hạng nhất, đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của các bị cáo. Đối với Bị cáo H, ngày 24/11/2021 bị Tòa án nhân dân huyện Ba Bể, tỉnh Bắc Kạn xử phạt 14 tháng tù tại Bản án số 45 về tội tàng trữ trái phép chất ma túy, đến ngày 03/12/2022 mới chấp hành xong các quyết định của bản án, chưa được xóa án tích, do vậy phải chịu tình tiết tăng nặng là tái phạm. Bị cáo Nguyễn Chính Đ không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

Vật chứng, tài sản tạm giữ của vụ án:

Một chiếc điện thoại di động màn hình cảm ứng đã qua sử dụng, vỏ màu vàng đồng, mặt sau có chữ OPPO tạm giữ của bị cáo H; một điện thoại di động màn hình cảm ứng đã qua sử dụng, vỏ màu tím, mặt sau có chữ OPPO tạm giữ của bị cáo Đ. Một ba lô bằng vải màu xanh đen đã qua sử dụng; một con dao bằng kim loại, dài 36 cm, rộng 05cm; một cò lê dài 21 cm; một mỏ lết dài 25 cm; một kìm bằng kim loại có cán nhựa màu đỏ dài 18 cm; một con dao dọc giấy có lưỡi bằng kim loại, vỏ nhựa màu vàng dài 15 cm tạm giữ của các bị cáo; bốn

đoạn vỏ dây điện màu đen không có ký hiệu, kích thước dài 0,53 mét, 0,58 mét, 0,62 mét và 0,93 mét và bảy đoạn vỏ dây điện nhựa màu đen thu giữ khi khám nghiệm hiện trường; 35 đầu cốt nối bằng kim loại có gắn các đầu dây điện bằng các sợi dây đồng mềm nẹp cố định khối lượng 02kg tạm giữ từ Điện lực huyện P.

Một xe mô tô biển số 97F2-0385 mà các bị cáo sử dụng vào việc phạm tội là xe của ông Dương Xuân T4, sinh năm 1962, trú tại thôn B, xã K, huyện B, tỉnh Bắc Kạn, khi các bị cáo sử dụng chiếc xe đi phạm tội thì ông T4 không được biết, Cơ quan điều tra Công an huyện P đã trả lại cho ông Dương Xuân T4.

Về trách nhiệm dân sự: Người Đại diện theo ủy quyền ông Lê Văn T3 – Phó giám đốc Điện Lực huyện P3 không yêu cầu các bị cáo bồi thường.

Tại phiên tòa, các bị cáo khai nhận đúng hành vi như đã khai tại cơ quan điều tra, các bị cáo không có ý kiến gì về các kết luận định giá tài sản và thừa nhận Cáo trạng Viện kiểm sát truy tố bị cáo là hoàn toàn đúng hành vi các bị cáo đã thực hiện. Bị hại và người được ủy quyền vắng mặt tại phiên tòa nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt và yêu cầu Tòa án xét xử các bị cáo theo quy định của pháp luật, không yêu cầu các bị cáo bồi thường.

Tại bản cáo trạng số 06/CT-VKSPN ngày 18 tháng 02 năm 2024, Viện kiểm sát nhân dân huyện Pác Nặm đã truy tố bị cáo Nguyễn Chính Đ về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại điểm g khoản 2 Điều 173 Bộ luật hình sự. Truy tố bị cáo Hà Văn H về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Pác Nặm giữ nguyên quan điểm truy tố như bản cáo trạng. Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Nguyễn Chính Đ và Hà Văn H phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

- Áp dụng điểm g khoản 2 Điều 173; Điều 17; Điều 38; Điều 50, điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015. Xử phạt bị cáo Nguyễn Chính Đ từ 30 tù đến 36 tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 25/11/2023.

Không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo

- Áp dụng khoản 1 Điều 173; Điều 17; Điều 38; Điều 50, điểm r, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015. Xử phạt bị cáo Hà Văn H từ 18 đến 24 tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 25/11/2023.

Không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo

- Về trách nhiệm dân sự: Bị hại và người được ủy quyền lại không yêu cầu các bị cáo bồi thường nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Đối với số tiền 2.900.000đ do các bị cáo phạm tội mà có, quá trình giải quyết vụ án bị hại không yêu cầu các bị cáo bồi thường thiệt hại, do vậy không đề nghị truy thu nộp ngân sách Nhà nước.

- Về xử lý vật chứng: Đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết theo quy định.

- Về án phí: Bị cáo Nguyễn Chính Đ là đồng bào dân tộc thiểu số sống ở thôn có điều kiện kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn, bị cáo Hà Văn H thuộc hộ nghèo của xã K, huyện B, tỉnh Bắc Kạn và các bị cáo có đơn xin Hội đồng xét xử miễn án phí. Do vậy cần miễn án phí hình sự sơ thẩm cho các bị cáo.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên toà, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, trên cơ sở xem xét đầy đủ toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, bị cáo, người được bị hại ủy quyền, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, Quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an P, Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân huyện Pác Nặm, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên toà, các bị cáo, bị hại, người đại diện theo ủy quyền và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

Tại phiên tòa bị hại, người đại diện theo ủy quyền của bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ vào khoản 1 Điều 292, Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt những người này.

[2] Kết quả tranh tụng tại phiên tòa đã có đủ căn cứ khẳng định:

Trong khoảng thời gian từ 09 giờ đến 14 giờ ngày 18/10/2023, tại sáu trạm biến áp khác nhau của Tổng công ty Đ1 đặt trên địa bàn huyện P, tỉnh Bắc Kạn, Nguyễn Chính Đ và Hà Văn H đã trộm cắp 35,2 mét dây điện, loại dây đồng mềm nhiều sợi, bên ngoài được bọc vỏ cao su màu đen có tổng trị giá 2.512.000 đồng. Trước đó ngày 18/8/2021, Nguyễn Chính Đ bị Tòa án nhân dân huyện Ba Bể, tỉnh Bắc Kạn xử phạt 18 tháng tù và phải chịu tình tiết tăng nặng tái phạm về tội tàng trữ trái phép chất ma túy, chưa được xóa án tích, do vậy lần phạm tội này, Nguyễn Chính Đ phải chịu tình tiết định khung là tái phạm nguy hiểm

Mặc dù nhận thức rõ hành vi chiếm đoạt tài sản của người khác là vi phạm pháp luật và sẽ bị trừng trị, nhưng do muốn có tiền tiêu sài nên các bị cáo đã liên tiếp thực hiện trộm cắp dây điện của Tổng công ty Đ1 đặt trên địa bàn huyện P. Hành vi của các bị cáo còn gây ảnh hưởng đến tình hình trật tự xã hội nói chung và huyện P nói riêng, do vậy cần phải có hình phạt xứng đáng với hành vi mà bị cáo đã gây ra.

Khi thực hiện hành vi các bị cáo có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự. Tại phiên tòa các bị cáo thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, lời nhận tội của các bị cáo phù hợp với lời khai của các bị cáo tại cơ quan điều tra, lời khai người bị hại, người liên quan và các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án. Do vậy có đủ căn cứ khẳng định.

Hành vi của bị cáo Nguyễn Chính Đ đã đủ yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản” được quy định tại điểm g khoản 2 Điều 173 Bộ luật hình sự.

Hành vi của bị cáo Hà Văn H đã đủ yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản” được quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự.

Điều 173 Bộ luật Hình sự quy định:

1. Người nào trộm cắp tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm

2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 02 năm đến 07 năm:

g) Tái phạm nguy hiểm;

5. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng.

[3] Đánh giá về vai trò của các bị cáo

Trong vụ án này các bị cáo đều là đồng phạm, nhưng là đồng phạm giản đơn không có bị cáo nào giữ vai trò cầm đầu. Tuy nhiên bị cáo H là người có ý định và chuẩn bị dụng cụ cho việc đi trộm cắp tài sản và rủ rê Đ đi trộm cắp, do vậy bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự tương ứng với hành vi của mình.

[4] Xét thấy hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội gây mất trật tự trị an ở địa phương, xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản, gây tâm lý hoang mang, lo lắng cho cơ quan, doanh nghiệp và người dân trong quản lý tài sản.

Các bị cáo đã nhiều lần bị Tòa án xét xử nhưng không lấy đó làm bài học mà tiếp tục thực hiện hành vi trộm cắp tài sản của Tổng công ty Đ1, do vậy cần phải có hình phạt nghiêm khắc, cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian tương xứng với hành vi phạm tội của từng bị cáo để giáo dục bị cáo và phòng ngừa chung.

Về hình phạt bổ sung: Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, kết quả điều tra, xác minh cho thấy các bị cáo không có công việc ổn định, bị cáo Hà Văn

H thuộc hộ nghèo. Do đó không áp dụng hình phạt bổ sung bằng tiền đối với bị cáo là phù hợp.

[5] Xét về nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của các bị cáo thì thấy:

- Tình tiết tăng nặng: Đối với Bị cáo Hà Văn H, ngày 24/11/2021 bị Tòa án nhân dân huyện Ba Bể, tỉnh Bắc Kạn xử phạt 14 tháng tù tại Bản án số 45 về tội tàng trữ trái phép chất ma túy, đến ngày 03/12/2022 mới chấp hành xong các quyết định của bản án, chưa được xóa án tích, do vậy bị cáo H phải chịu tình tiết tăng nặng là tái phạm quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự.

Bị cáo Nguyễn Chính Đ không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Đối với bị cáo Nguyễn Chính Đ. Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo Đ đã thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội, do vậy bị cáo được hưởng 01 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Đối với bị cáo Hà Văn H. Bị cáo H đã tự khai ra hành vi trộm cắp tài sản của bản thân và bị cáo Đ vào ngày 18/10/2023; trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội và có ông nội là ông Hà Văn C được tặng Huân chương kháng chiến hạng nhất, do vậy bị cáo được hưởng 03 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm r, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự

[6] Về vật chứng vụ án:

Đối với số dây đồng các bị cáo đã bán cho bà Nguyễn Thị y, bà Y đã bán cho người khác, không thu giữ được, do vậy không có căn cứ để xem xét.

Đối với số tiền 2.900.000đ do các bị cáo bán dây đồng trộm cắp được mà có, không thu giữ được, quá trình giải quyết vụ án bị hại không yêu cầu các bị cáo bồi thường thiệt hại, do vậy không truy thu nộp ngân sách Nhà nước.

Một chiếc điện thoại di động màn hình cảm ứng đã qua sử dụng, vỏ màu vàng đồng, mặt sau có chữ OPPO tạm giữ của bị cáo H. Bị cáo không sử dụng chiếc điện thoại này để liên lạc với nhau để thực hiện hành vi phạm tội, do vậy cần trả lại chiếc điện thoại cho bị cáo H.

Một điện thoại di động màn hình cảm ứng đã qua sử dụng, vỏ màu tím, mặt sau có chữ OPPO tạm giữ của bị cáo Đ. Bị cáo không sử dụng chiếc điện thoại này để liên lạc với nhau để thực hiện hành vi phạm tội, do vậy cần trả lại chiếc điện thoại cho bị cáo Đ.

Một ba lô bằng vải màu xanh đen đã qua sử dụng, cũ nát. Đây là chiếc ba lô bị cáo H đã chuẩn bị dùng cho việc phạm tội không có giá trị sử dụng cần tịch thu tiêu hủy.

Một con dao bằng kim loại, dài 36 cm, rộng 05cm là tài sản của Hà Văn H không sử dụng vào việc phạm tội, tuy nhiên tại phiên tòa bị cáo H không yêu cầu lấy lại, do vậy cần tịch thu tiêu hủy

Một cờ lê dài 21 cm là tài sản của Hà Văn H không sử dụng vào việc phạm tội, tuy nhiên tại phiên tòa bị cáo H không yêu cầu lấy lại, do vậy cần tịch thu tiêu hủy.

Một mỏ lết dài 25 cm là tài sản của Hà Văn H không sử dụng vào việc phạm tội, tuy nhiên tại phiên tòa bị cáo H không yêu cầu lấy lại, do vậy cần tịch thu tiêu hủy

Một kìm bằng kim loại có cán nhựa màu đỏ dài 18 cm của bị cáo Hà Văn H, bị cáo đã dùng chiếc kìm này để cắt trộm dây điện, do vậy cần tịch thu tiêu hủy.

Một con dao đục giấy có lưỡi bằng kim loại, vỏ nhựa màu vàng dài 15 cm của bị cáo Hà Văn H, bị cáo đã dùng con dao này để đục dây điện sau khi trộm được, do vậy cần tịch thu tiêu hủy.

Bốn đoạn vỏ dây điện màu đen không có ký hiệu, kích thước dài 0,53 mét, 0,58 mét, 0,62 mét và 0,93 mét và bảy đoạn vỏ dây điện nhựa màu đen thu giữ khi khám nghiệm hiện trường. Không có giá trị sử dụng, chủ sở hữu không yêu cầu lấy lại nên cần tịch thu tiêu hủy

35 đầu cốt nối bằng kim loại có gắn các đầu dây điện bằng các sợi dây đồng mềm nẹp cố định khối lượng 02kg tạm giữ từ Điện lực huyện P. Người được ủy quyền lại ông Lê Văn T3 không yêu cầu lấy lại do vậy cần tịch thu tiêu hủy.

Một xe mô tô biển số 97F2-0385 mà các bị cáo sử dụng vào việc phạm tội là xe của ông Dương Xuân T4, sinh năm 1962, trú tại thôn B, xã K, huyện B, tỉnh Bắc Kạn, khi các bị cáo sử dụng chiếc xe đi phạm tội thì ông T4 không được biết, Cơ quan điều tra Công an huyện P đã trả lại cho ông Dương Xuân T4 là phù hợp.

[7] Về trách nhiệm dân sự: Bị hại và người được ủy quyền lại không yêu cầu các bị cáo bồi thường nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[8]. Đánh giá về quan điểm truy tố, đề nghị của Viện kiểm sát: Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Pác Nặm, tỉnh Bắc Kạn tại phiên tòa giữ nguyên Quyết định truy tố như nội dung bản Cáo trạng, quan điểm truy tố của Viện kiểm sát là có căn cứ. Mức hình phạt của Viện kiểm sát đề nghị tương xứng với tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội mà các bị cáo đã gây ra.

[9] Đánh giá về những người liên quan:

Đối với bà Nguyễn Thị Y đã có hành vi mua tài sản do các bị cáo phạm tội mà có, tuy nhiên bà Y không biết tài sản do phạm tội mà có, do vậy không đề cập xử lý đối với bà Nguyễn Thị Y.

Đối với ông Dương Xuân T4 đã để chiếc xe mô tô của mình cho các bị cáo sử dụng, các bị cáo đã sử dụng vào việc phạm tội, tuy nhiên khi các bị cáo sử dụng chiếc xe để phạm tội thì ông T4 không được biết, do vậy không đề cập xử lý đối với ông Dương Xuân T4.

[10]. Về án phí: Bị cáo Nguyễn Chính Đ là đồng bào dân tộc thiểu số sống ở thôn có điều kiện kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn, bị cáo Hà Văn H thuộc hộ nghèo của xã K, huyện B, tỉnh Bắc Kạn và các bị cáo có đơn xin Hội đồng xét xử miễn án phí. Do vậy cần miễn án phí hình sự sơ thẩm cho các bị cáo.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

1. Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Chính Đ và Hà Văn H phạm tội trộm cắp tài sản.

Áp dụng điểm g khoản 2 Điều 173; Điều 17; Điều 38; Điều 50, điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015. Xử phạt bị cáo Nguyễn Chính Đ 36 (Ba mươi sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 25/11/2023.

Áp dụng khoản 1 Điều 173; Điều 17; Điều 38; Điều 50, điểm r, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự năm 2015. Xử phạt bị cáo Hà Văn H 24 (Hai mươi tư) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 25/11/2023.

2. Về trách nhiệm dân sự: Bị hại, người được ủy quyền và người được ủy quyền lại không yêu cầu các bị cáo bồi thường nên Hội đồng xét xử không xem xét.

3. Về vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự; khoản 1, khoản 2 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015:

- Tịch thu tiêu hủy các vật chứng gồm:

Một ba lô bằng vải màu xanh đen đã qua sử dụng, cũ nát.

Một con dao bằng kim loại, dài 36 cm, rộng 05cm.

Một cờ lê dài 21 cm

Một mỏ lết dài 25 cm

Một kìm bằng kim loại có cán nhựa màu đỏ dài 18 cm

Một con dao đục giấy có lưỡi bằng kim loại, vỏ nhựa màu vàng dài 15 cm

Bốn đoạn vỏ dây điện màu đen không có ký hiệu, kích thước lần lượt dài 0,53 mét, 0,58 mét, 0,62 mét và 0,93 mét

07 (Bảy) đoạn vỏ dây điện nhựa màu đen có kích thước và ký hiệu trên vỏ dây điện thu giữ trong quá trình khám nghiệm hiện trường, cụ thể.

01 đoạn vỏ dây điện nhựa màu đen dài 1,25m trên vỏ dây có dòng chữ và số =0147M=E1-82361 450x750V CU/PVC 1x95 SQMM IEC 60227-3 GOLDCUP UIRE&CBLE;

01 đoạn vỏ dây điện nhựa màu đen dài 0,84m; 01 đoạn vỏ dây điện nhựa màu đen dài 2,20m; 01 đoạn vỏ dây điện nhựa màu đen dài 1,03m; 01 đoạn vỏ dây điện nhựa màu đen dài 0,90m trên các đoạn vỏ dây này đều có dòng chữ và số CADIVI-VCM 50-450/750-TCVN 6610-3-D.

01 đoạn vỏ dây điện nhựa màu đen dài 1,30m; 01 đoạn vỏ dây điện nhựa màu đen dài 1,34m, trên hai đoạn vỏ dây này có dòng chữ và số 450x750V CU/PVC 70 SQMM TCVN 6610-3/IEC 60227-3 GOLDCUP UIRE&CBLE;

35 đầu cốt nối bằng kim loại có gắn các đầu dây điện bằng các sợi dây đồng mềm nẹp cố định có tổng khối lượng 02kg tạm giữ từ Điện lực huyện P.

- Trả lại cho các bị cáo các vật chứng gồm:

Trả lại một chiếc điện thoại di động màn hình cảm ứng đã qua sử dụng, vỏ màu vàng đồng, mặt sau có chữ OPPO cho bị cáo Hà Văn H.

Trả lại một điện thoại di động màn hình cảm ứng đã qua sử dụng, vỏ màu tím, mặt sau có chữ OPPO cho bị cáo Nguyễn Chính Đ.

(Số lượng, tình trạng theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 19/02/2024 giữa Cơ quan điều tra Công an huyện P, tỉnh Bắc Kạn và Chi cục thi hành án dân sự huyện Pác Nặm, tỉnh Bắc Kạn).

4. Về án phí: Áp dụng điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Miễn án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo Nguyễn Chính Đ và Hà Văn H.

Các bị cáo có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhân:

- VKSND huyện Pác Nặm. (01b)
- TAND tỉnh Bắc Kạn. (01b)
- VKSND tỉnh Bắc Kạn.(01b)
- Bộ phận hồ sơ CA huyện Pác Nặm. (03b)
- Chi cục THADS huyện Pác Nặm. (01b)
- Sở Tư pháp. (01b)
- Bị cáo. (02b)
- Bị hại. (01b)

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký

Hà Thanh Tuấn

- Người có QL,NVLQ. (02b)
- Lưu hs;